**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

Thứ Ba ngày 17 tháng 9 năm 2024

**Môn học: Học vần**

**Bài : Ô – ô . Dấu ngã**

**1. Yêu cầu cần đạt**

- Giúp HS quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa âm *ô, dấu ngã*.

- Nhận diện được sự tương hợp giữa âm và chữ *ô, dấu ngã*.

- Đọc được chữ *ô, cô*. Viết được chữ *ô, cô và số 7*.

- Nhận biết được tiếng có âm chữ *ô, dấu ngã*. Nói câu có từ ngữ chưa tiếng có âm *chữ ô, dấu ngã.*

- Hình thành năng lực hợp tác qua việc hoạt động nhóm.

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ thông qua hoạt động tập viết.

**2. Đồ dùng dạy học:**

- SHS,VTV, SGV

- Một số tranh minh họa, thẻ từ. Tranh chủ đề,

- Thẻ chữ *ô* ( in thường, in hoa, viết thường)

**3. Hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| 2’  5’  10’  5  10  20  10  5 | **TIẾT 1**  **1. Hoạt động mở đầu:**  - HS hát  **2. Hoạt động cơ bản:**  - Quan sát tranh và nói tiếng có từ ngữ chứa *ô, dấu ngã*?  - Trong các tiếng vừa tìm được có gì giống nhau?  - GV giới thiệu bài: *Ô, ô*  **a. HĐ 1: Nhận diện âm chữ mới**  ***a.1. Nhận diện âm chữ mới***  *a. Nhận diện âm chữ ô*  - Học sinh quan sát chữ *ô* in thường, in hoa.  - GV đọc mẫu chữ *ô*  - HS đọc chữ *ô*.  *b. Nhận diện thanh ngã*  - Các em nghe cô đọc: cô – cỗ, ba – bã, bo – bõ. Vậy bạn nào tìm ra được điểm khác nhau giữa 3 cặp từ cô vừa đọc?  - Nêu cho cô tiếng có chứa dấu ngã?  - Yêu cầu HS quan sát dấu ngã và đọc tên  ***a.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng***  *a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ ô*  - GV cho HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *cô*.  - HS phân tích tiếng *cô*.  - Đọc mẫu  *b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có dấu ngã*  - GV cho HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *cỗ*.  - HS phân tích tiếng *cỗ*.  - Đọc mẫu  **b.HĐ 2: Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa**  ***b.1.Đánh vần và đọc trơn từ khóa cô***  - Các em quan sát mô hình từ khóa *cô* và xem có âm gì hôm nay mình học?  - Bạn nào đánh vần từ khóa này?  - Đọc trơn.  ***b.2.Đánh vần và đọc trơn từ khóa cỗ***  - Các em quan sát mô hình từ khóa *cỗ* và xem có âm gì hôm nay mình học?  - Bạn nào đánh vần từ khóa này?  - Đọc trơn.  **HĐ3. Tập viết**  **3.1. Viết chữ ô**  - GV cho HS phân tích cấu tạo chữ *ô*  - GV viết mẫu trên bảng.  - Hướng dẫn viết vào bảng con.  **3.2. Viết chữ cô**  - GV cho HS phân tích cấu tạo chữ *cô*  - GV viết mẫu trên bảng.  - HS viết vào bảng con.  **3.3. Viết chữ cỗ**  - GV cho HS phân tích cấu tạo chữ *cỗ*  - GV viết mẫu trên bảng.  - HS viết vào bảng con.  **3.4. Viết số 7**  - Tương tự cách làm đối với viết số 1.  - HS viết vào vở tập viết chữ *ô, cô, cỗ và số 7*  **TIẾT 2**  **HĐ4. Luyện tập đánh vần, đọc trơn**  ***4.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng***  - Tìm các tiếng có chứa âm *ô, dấu ngã*?  - HS thảo luận tìm nghĩa của các từ đó.  - Nói câu có chứa từ mở rộng?  - Tìm thêm một số từ/ tiếng có chứa *ô, dấu ngã*  ***4.2. Đọc và tìm hiểu nội dung câu ứng dụng.***  - GV đọc mẫu: *bà có cỗ*  - Tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc  - HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.  - GV giúp HS hiểu nghĩa của câu: *Bà có cỗ.*  **HĐ5. Hoạt động mở rộng**  \* Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu bài học  \* Phương pháp: Vấn đáp, trực quan.  - Quan sát tranh và phát hiện được nội dung tranh?  **3. Củng cố, nối tiếp**  - Cho HS đọc lại bài vừa học, nhận diện âm ô, dấu ngã.  - Viết bài trong vở tập viết ( nếu chưa viết kịp)  - Nhận xét – tuyên dương  - Chuẩn bị tiết học sau | - nấu cỗ, tô, cá rô, cá hố, rổ, đỗ, đĩa,…  - Các tiếng có chứa chữ ô, dấu ngã.  - HS quan sát GV viết tên bài  - HS quan sát  - Lắng nghe  - HS đọc cá nhân  - Tiếng có dấu ngã và tiếng không có .  - muỗng, đĩa, muỗi, ngỗng,….  - HS đọc cá nhân, đọc nhóm 2  - Quan sát  - Tiếng *cô* gồm có âm c, âm ô và dấu ngã, âm c đứng trước, âm ô đứng sau, dấu ngã trên đầu âm ô.  - Đánh vần: cờ - ô - cô  - Quan sát  - Tiếng *cỗ* gồm âm c và âm ô, âm c đứng trước, âm ô đứng sau, dấu ngã trên đầu âm ô.  - Đánh vần: cờ - ô – cô – ngã – cỗ  - Âm ô  - cờ – ô - cô  - HS đọc cá nhân, đọc nhóm đôi cho nhau nghe.  - Âm ô  - cờ - ô – cô – ngã – cỗ  - Đọc cá nhân, đọc nhóm đôi cho nhau nghe.  - Chữ ô cao 2 ô li, rộng 1,5 ô li, gồm nét cong khép kín, dấu mũ  - HS quan sát,  - HS viết  - HS nhận xét bài viết của mình, của bạn.  - Viết chữ c trước, viết chữ ô sau, chú ý nét nối giữa 2 con chữ.  - HS viết  - HS nhận xét bài viết của mình, của bạn.  - Viết chữ c trước, viết chữ ô sau, dấu ngã trên đầu âm ô, chú ý nét nối giữa 2 con chữ.  - HS viết  - HS nhận xét bài viết của mình, của bạn.  - Số cao 2 ô li, rộng 1,5 ô li.  - Viết vở.  - HS nhận xét bài viết của mình và của bạn.  - HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.  - cô, cổ, bố( tùy năng lực mà các em nêu từ hoặc câu).  - Trả lời…  - ô tô, chỗ, tổ,….  - Đọc  - Tìm  - Đánh vần  - Trả lời được câu hỏi: Ai có cỗ?, cỗ của ai?  - Tìm ra nội dung tranh.  - Hát bài em tập lái ô tô  - Lắng nghe  - Thực hiện  - Bài v |

4. Điều chỉnh sau bài học: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………